

# BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG TỔNG HỢP NĂM 2022

## Đơn vị: Sở Giao thông Vận tải tỉnh Ninh Bình

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SGTVT ngày tháng năm 2023 của Sở Giao thông vận tải Ninh Bình)

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
A	B	C	D	1	2
<b>I</b>	<b>Hoạt động hành chính, sự nghiệp</b>				
1	Doanh thu (01=02+03+04)	1		134,496,052,609	121,022,543,038
	a. Từ NSNN cấp	2		128,347,973,428	116,079,721,870
	b. Từ nguồn viện trợ, vay nợ nước ngoài	3		0	
	c. Từ nguồn phí được khấu trừ, để lại	4		6,128,079,181	4,942,821,168
2	Chi phí (05=06+07+08)	5		131,010,277,995	119,322,562,338
	a. Chi phí hoạt động	6		126,573,706,362	115,239,864,870
	b. Chi phí từ nguồn viện trợ, vay nợ nước ngoài	7		0	
	c. Chi phí hoạt động thu phí	8		4,523,541,084	408,697,488
3	Thặng dư/thâm hụt (09=01-05)	9		2,960,805,133	1,699,980,700
<b>II</b>	<b>Hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ</b>			0	
1	Doanh thu	10		46,546,499,121	
2	Chi phí	11		5,106,918,592	
3	Thặng dư/thâm hụt (12=10-11)	12		169,429,761	
<b>III</b>	<b>Hoạt động tài chính</b>			0	
1	Doanh thu	20		13,019,314	
2	Chi phí	21		354,000	
3	Thặng dư/thâm hụt (22=20-21)	22		12,665,314	
<b>IV</b>	<b>Hoạt động khác</b>			0	
1	Thu nhập khác	30		0	
2	Chi phí khác	31		6,769,125	
3	Thặng dư/thâm hụt (32=30-31)	32		-6,739,125	
<b>V</b>	<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b>40</b>		<b>105,483,925</b>	
<b>VI</b>	<b>Thặng dư/thâm hụt trong năm (50=09+12+22+32-40)</b>	<b>50</b>		<b>3,030,677,158</b>	<b>1,699,980,700</b>
1	Sử dụng kinh phí tiết kiệm của đơn vị hành chính	51		46,500,000	173,327,000
2	Phân phối cho các quỹ	52		3,069,924,673	1,148,569,700
3	Kinh phí cải cách tiền lương	53		544,275,000	378,084,000



3,03  
0.67

